

Số: 86/2001/QĐ-UB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 9 năm 2001

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Về việc sửa đổi, bổ sung quy định đền bù hỗ trợ thiệt hại và tái định cư của dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở tại số 1Bis - 1Kép đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21 tháng 6 năm 1994;
- Căn cứ Nghị định 87/CP ngày 17 tháng 8 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định khung giá các loại đất;
- Căn cứ Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 1998 của Chính phủ về việc đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và Thông tư số 145/1998/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 22/1998/NĐ-CP của Chính phủ;
- Căn cứ Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2000 của Chính phủ về việc thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai;
- Căn cứ Nghị định số 38/2000/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2000 của Chính phủ về việc thu tiền sử dụng đất; và Thông tư số 115/2000/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 38/2000/NĐ-CP của Chính phủ;
- Căn cứ Quyết định số 624/TTg ngày 30 tháng 9 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt dự án đầu tư của khu nhà ở và văn phòng làm việc tại 1Bis - 1Kép Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1 và Quyết định số 490/TTg ngày 30 tháng 7 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho Công ty Phát triển và Dịch vụ nhà quận 1 sử dụng đất để đầu tư kinh doanh xây dựng nhà ở;
- Căn cứ Quyết định số 1285/QĐ-UB-QLĐT ngày 26 tháng 8 năm 1993 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh di chuyển nhà ở cán bộ, công nhân viên và nhân dân tại số 1Bis - 1Kép đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1;
- Căn cứ quyết định số 05/QĐ-UB-QLĐT ngày 04 tháng 01 năm 1995 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành bảng giá các loại đất trên địa bàn thành

phố; Quyết định số 5184/QĐ-UB-KT ngày 09 tháng 11 năm 1996; Quyết định số 5675/QĐ-UB-QLĐT ngày 24 tháng 10 năm 1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành bảng giá chuẩn tối thiểu trị giá nhà để tính lệ phí trước bạ và Quyết định số 15/2001/QĐ-UB ngày 23 tháng 02 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh bổ sung bảng giá chuẩn tối thiểu trị giá nhà và các loại kiến trúc khác để tính lệ phí trước bạ;

- Căn cứ nguồn gốc và hiện trạng sử dụng đất của các hộ dân cư trong phạm vi quy hoạch của dự án xây dựng khu nhà ở tại số 1Bis - 1Kép đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1 nguyên là khu gia binh của chế độ cũ nên theo quy định tại điểm 1, Mục IV của văn bản “Chính sách quản lý và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nhà đất ở đô thị các tỉnh miền Nam” ban hành kèm theo Quyết định số 111/CP ngày 17 tháng 4 năm 1977 của Hội đồng Chính phủ quy định: “Mọi loại nhà cửa, đất đai trước ngày Giải phóng do chính quyền Mỹ, ngụy quản lý hoặc dành cho tổ chức hay cá nhân thuộc ngụy quân ngụy quyền và các tổ chức đảng phái phản động sử dụng, nay thuộc tài sản công cộng do Nhà nước trực tiếp quản lý”;

- Căn cứ báo cáo số 171/ĐTTr ngày 24 tháng 12 năm 1999 của Đoàn Thanh tra Nhà nước về kết quả thanh tra giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của 78 hộ dân tại số 1Bis - 1Kép đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1;

- Xét đề nghị của Sở Tài chính-Vật giá, Ủy ban nhân dân quận 1 tại công văn số 1106/LCQ-CV-UB ngày 01 tháng 8 năm 2001 về việc sửa đổi, bổ sung quy định đền bù, hỗ trợ thiệt hại về nhà ở, đất ở và tái định cư của dự án xây dựng khu nhà ở tại số 1Bis - 1Kép đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.- Nay ban hành kèm theo Quyết định này bản quy định về sửa đổi, bổ sung quy định đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư của dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở tại số 1Bis - 1Kép đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1.

Điều 2.- Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 1 chỉ đạo Ban chỉ đạo điều chỉnh, di chuyển nhà ở khu vực 1Bis - 1Kép đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1 để thực hiện quyết định này và chịu trách nhiệm tổ chức phổ biến, tính toán, chỉ đạo chủ đầu tư chi trả bổ sung tiền đền bù, hỗ trợ thiệt hại cho các hộ dân bị ảnh hưởng của dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở tại số 1Bis - 1Kép đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1 theo đúng nội dung quy định tại quyết định này.

Điều 3.- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư ở dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở tại số 1Bis - 1Kép Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1 trước đây trái với quy định của Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 4.- Việc giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân quận 1, Thanh tra thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố có liên quan đến việc đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư của Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở tại số 1Bis - 1Kép đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1 trước đây, sẽ được sửa đổi theo nội dung quy định của quyết định này.

Điều 5.- Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở Tài chính-Vật giá thành phố, Sở Địa chính - Nhà đất thành phố, Sở Xây dựng thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố, Kiến trúc sư Trưởng thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 1, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bến Thành, Giám đốc Công ty Phát triển và Dịch vụ nhà quận 1, Ban chỉ đạo điều chỉnh, di chuyển nhà ở khu vực 1Bis - 1Kép đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5
- Văn phòng Chính phủ
- Đoàn công tác liên ngành của CP
- Tổng TTNN, Tổng Cục địa chính
- TT/TU, TT/HĐND.TP
- TTUB: CT, PCT/TT, ĐT
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc TP
- Viện KSND/TP, VP/TU
- Tổ CT chuyên trách của TP (Tổ 1)
- VP. Đoàn Đại biểu Quốc hội TP
- Thanh tra TP, VP. Tiếp dân TP
- VPHĐ-UB: PVP/ĐT, NC
- Tổ NC, ĐT, ĐB
- Lưu (ĐB)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vũ Hùng Việt

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 9 năm 2001

QUY ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung quy định đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở tại số 1Bis - 1Kép đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 86/2001/QĐ-UB ngày 27 tháng 9 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thành phố

I.- ĐÈN BÙ, HỖ TRỢ THIẾT HẠI VỀ CÁC LOẠI ĐẤT:

Điều 1.- Điều kiện để được đền bù thiệt hại về đất và không được đền bù thiệt hại về đất:

1- Các điều kiện để được đền bù thiệt hại về đất áp dụng theo quy định tại Điều 6 của Nghị định số 22/1998/NĐ-CP của Chính phủ.

2- Các trường hợp không được đền bù thiệt hại về đất áp dụng theo quy định tại Điều 7 của Nghị định 22/1998/NĐ-CP của Chính phủ.

3- Trong một số trường hợp được xét hỗ trợ thiệt hại theo Bản quy định này.

Điều 2.- Đơn giá xây dựng nhà, vật kiến trúc khác và đơn giá đất ở để tính đền bù, hỗ trợ thiệt hại:

1- Đơn giá xây dựng nhà và vật kiến trúc khác:

Áp dụng theo đơn giá xây dựng mới quy định tại Quyết định số 5184/QĐ-UB-KT ngày 09 tháng 11 năm 1996; Quyết định số 5675/QĐ-UB-QLĐT ngày 24 tháng 10 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành bảng giá chuẩn tối thiểu trị giá nhà để tính lệ phí trước bạ và Quyết định số 15/2001/QĐ-UB ngày 23 tháng 02 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh bổ sung bảng giá chuẩn tối thiểu trị giá nhà và các loại kiến trúc khác để tính lệ phí trước bạ, nhân với hệ số điều chỉnh 1,2.

2- Đơn giá đất ở:

Áp dụng theo đơn giá đất quy định tại Quyết định số 05/QĐ-UB-QLĐT ngày 04 tháng 01 năm 1995 của Ủy ban nhân dân thành phố, nhân với hệ số K. Cụ thể là:

| Vị trí | Đơn giá theo QĐ.05/QĐ-UB (đồng/m²) | Hệ số K | Mức giá đền bù (đồng/m²) |
|--|--|----------------|--|
| - Mặt tiền đường: | | | |
| a. Nguyễn Đình Chiểu (đoạn từ Nguyễn Bình Khiêm đến bờ sông). | 2.000.000 | 4,5 | 9.000.000 |
| b. Nguyễn Bình Khiêm (đoạn từ Nguyễn Thị Minh Khai đến Điện Biên Phủ). | 3.000.000 | 3 | 9.000.000 |
| - Không mặt tiền đường | 840.000 | 7,5 | 6.300.000 |

Điều 3.- Về tính giá đền bù, hỗ trợ thiệt hại về đất ở, nhà ở và vật kiến trúc khác:

A.- Đối với đất ở thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ gia đình và cá nhân:

1- Đất ở của hộ gia đình, cá nhân là đất để xây dựng nhà ở và các công trình phục vụ sinh hoạt như bếp, sân, giếng nước, nhà tắm, nhà vệ sinh, lối đi, chuồng chăn nuôi gia súc, gia cầm, nhà kho, nơi để thức ăn gia súc, gia cầm, nơi để chất đốt, nơi để xe hoặc đất được cơ quan có thẩm quyền giao đất để sử dụng vào mục đích làm nhà ở.

2- Đất ở có giấy tờ hợp pháp, hợp lệ được tính đền bù tùy theo thời điểm sử dụng đất trên nguyên tắc trừ đi nghĩa vụ tài chính (tiền sử dụng đất) nếu chưa làm nghĩa vụ với Nhà nước theo mức quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Nghị định số 38/2000/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2000 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất.

3- Việc tính giá đền bù, hỗ trợ thiệt hại về đất ở được áp dụng như sau: (kèm bảng phụ lục tính giá đền bù cụ thể).

3.1- Đối với phần diện tích đất ở sử dụng hợp pháp ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở hoặc giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở do cơ quan có thẩm quyền cấp thì tính đền bù bằng 100% đơn giá đất ở quy định tại khoản 2, Điều 2 của Bản quy định này.

3.2- Đối với phần diện tích đất sử dụng hợp lệ là đất ở đã sử dụng ổn định, không thuộc diện lấn chiếm bất hợp pháp và không thuộc các trường hợp đã quy định tại điều 7, mục A, chương II Quyết định 38/2000/QĐ-UB-ĐT ngày 19 tháng 6 năm 2000 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành “quy định trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đô thị; thủ tục chuyển quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại thành phố Hồ Chí Minh” thì được tính đền bù như sau:

3.2.1- Sử dụng từ trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 (ngày ban hành Hiến pháp năm 1980): tính đền bù 100% đơn giá đất ở quy định tại khoản 2, Điều 2 của Bản quy định này.

3.2.2- Sử dụng từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 (ngày Luật Đất đai năm 1993 có hiệu lực thi hành) tính đền bù bằng 100% đơn giá đền bù đất ở hợp pháp trừ đi 20% tiền sử dụng đất phải nộp theo quy định {đơn giá đền bù = đơn giá đền bù đất ở hợp pháp - (20% x đơn giá đất ở quy định tại quyết định 05/QĐ-UB-QLĐT)}.

3.2.3- Sử dụng từ ngày 15/10/1993 trở về sau, tính đền bù bằng 100% đơn giá đền bù đất ở hợp pháp, trừ đi 100% tiền sử dụng đất phải nộp theo quy định {đơn giá đền bù = đơn giá đền bù đất ở hợp pháp - (100% x đơn giá đất ở quy định tại quyết định 05/QĐ-UB-QLĐT)}. Trường hợp do nhận chuyển nhượng của người sử dụng đất hợp lệ trước đó, không có giấy tờ hợp lệ chỉ có giấy tờ mua bán chuyển nhượng giữa hai bên được Ủy ban nhân dân phường xác nhận thì trừ 40% tiền sử dụng đất phải nộp theo quy định [đơn giá đền bù = đơn giá đền bù đất ở hợp pháp - (40% đơn giá quy định tại quyết định 05/QĐ-UB-QLĐT)].

3.2.4- Trường hợp người đang sử dụng đất ở có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng trực tiếp hoặc gián tiếp (chuyển nhượng qua nhiều lần) của người sử dụng đất ở hợp pháp, hoặc của người sử dụng đất ở hợp lệ thì người đang sử dụng được tính đền bù theo mức đền bù của người chủ sử dụng cũ.

4- Phần diện tích đất ở đang sử dụng không có tranh chấp lớn hơn diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận sở hữu nhà nhưng không thuộc các trường hợp đã quy định tại điều 7, mục A, chương II Quyết định 38/2000/QĐ-UB-ĐT ngày 19 tháng 6 năm 2000 của Ủy ban nhân dân thành phố được xét hỗ trợ tùy từng trường hợp cụ thể như sau:

4.1- Sử dụng trước ngày 30/07/1996 (ngày Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định số 490/TTg về việc cho Công ty Phát triển và Dịch vụ nhà quận 1 sử dụng đất để đầu tư kinh doanh xây dựng khu nhà ở) được xét hỗ trợ chi phí và công cải tạo đất:

- Diện tích đất từ 100 m² trở xuống được hỗ trợ: 1.000.000 đ/m².
- Phần diện tích còn lại trên 100 m² được hỗ trợ: 500.000 đ/ m²

4.2- Sử dụng từ ngày 30/7/1996 trở về sau: không được giải quyết hỗ trợ.

B.- Đối với nhà ở và vật kiến trúc khác:

1- Đối với nhà, công trình xây dựng trên đất thuộc đối tượng được đền bù thiệt hại về đất theo quy định tại điểm 3.1, 3.2 khoản 3, phần A, Điều 3 được đền bù thiệt hại như sau:

1.1- Nhà có giấy tờ hợp pháp, hợp lệ: được tính đền bù 100% đơn giá quy định tại khoản 1, Điều 2.

1.2- Nhà không có hoặc không đủ giấy tờ hợp lệ:

+ Xây dựng trước ngày 30/7/1996: được hỗ trợ bằng 90% đơn giá quy định tại khoản 1, Điều 2.

+ Xây dựng từ ngày 30/7/1996 trở về sau: không được hỗ trợ và phải tháo dỡ không điều kiện.

Điều 4.- Đối với nhà thuộc sở hữu Nhà nước:

1- Các hộ gia đình và cá nhân đang sử dụng hợp pháp (sau đây gọi là người sử dụng nhà hợp pháp) là nhà có quyết định tạm cấp, tạm giao, hợp đồng thuê nhà của cơ quan, đơn vị Nhà nước, có thông báo tạm thu tiền thuê nhà, hoặc đã cư ngụ từ trước ngày 30/4/1975 tùy theo yêu cầu của mỗi hộ được giải quyết một trong hai hướng sau:

1.1- Được điều chỉnh qua một căn hộ khác theo sự sắp xếp của Ủy ban nhân dân quận 1 và tiếp tục ký hợp đồng thuê nhà với cơ quan quản lý nhà.

1.2- Nếu không có yêu cầu thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước được hỗ trợ bằng tiền để tạo lập chỗ ở mới như sau:

- **Hỗ trợ về giá trị đất:** bằng 60% đơn giá đền bù đất ở quy định tại khoản 2, Điều 2 tùy theo vị trí căn nhà cũ đang sử dụng. Cụ thể là:

+ Mặt tiền đường: $60\% \times 9.000.000 \text{ đ} = 5.400.000 \text{ đ/m}^2$

+ Trong hẻm: $60\% \times 6.300.000 \text{ đ} = 3.780.000 \text{ đ/m}^2$

- **Hỗ trợ về giá trị nhà:** bằng 60% đơn giá đền bù giá quy định tại khoản 1, Điều 2. Cụ thể là nhà cấp 3: $550.000 \text{ đ} \times 1,2 \times 60\% = 396.000 \text{ đ}$

Số m² để tính hỗ trợ về giá trị nhà và đất là số m² sàn sử dụng ghi trong quyết định tạm cấp, tạm thuê hoặc giấy cấp nhà của cơ quan, đơn vị Nhà nước hoặc hợp đồng thuê nhà không tính phần diện tích hành lang, ban công, lối đi chung và diện tích tự lấn chiếm; nếu trong các giấy tờ này không ghi diện tích sàn sử dụng thì số m² sàn sử dụng để tính hỗ trợ về giá nhà và đất là 60 m².

2- Phần diện tích nhà, đất đang sử dụng lớn hơn 60m² và không có tranh chấp hoặc lớn hơn diện tích ghi trong quyết định tạm cấp, tạm thuê, giấy cấp nhà, hợp đồng thuê nhà được xét hỗ trợ tùy từng trường hợp cụ thể như sau:

2.1- Phần diện tích đất:

- Sử dụng trước ngày 30/7/1996: được xét hỗ trợ chi phí và công cải tạo đất:

+ Diện tích đất từ 100 m² trở xuống được hỗ trợ: 1.000.000 đ/m²

+ Phần diện tích đất còn lại trên 100 m² được hỗ trợ: 500.000 đ/m²

- Sử dụng từ ngày 30/7/1996 trở về sau: không được giải quyết hỗ trợ.

2.2- Nhà và vật kiến trúc khác do hộ gia đình và cá nhân cải tạo nâng cấp, xây dựng mới tăng thêm diện tích nhà:

+ Nếu có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền thì được đền bù theo đơn giá đền bù nhà ở, vật kiến trúc theo quy định tại khoản 1, Điều 2.

+ Nếu không có giấy phép và xây dựng trước ngày 30/7/1996: được hỗ trợ 90% đơn giá nhà ở, vật kiến trúc theo quy định tại khoản 1, Điều 2.

+ Nếu xây dựng từ ngày 30/7/1996 trở về sau: không được hỗ trợ, phải tự tháo dỡ không điều kiện.

3- Các hộ gia đình và cá nhân đang sử dụng hợp lệ nhà là nhà do chuyển nhượng trực tiếp hoặc gián tiếp (qua nhiều lần chuyển nhượng) có nguồn gốc ban đầu của người sử dụng nhà hợp pháp thì giải quyết theo các điểm 1.1, 1.2 Điều 4 ở trên, nhưng số tiền hỗ trợ về giá trị đất bằng 98% mức hỗ trợ đối với các hộ đang sử dụng nhà Nhà nước hợp pháp quy định tại điểm 1.2 Điều 4 ở trên.

4- Các hộ gia đình và cá nhân sử dụng nhà do chuyển nhượng trực tiếp hoặc gián tiếp (qua nhiều lần chuyển nhượng) nhưng không có quyết định tạm cấp, tạm giao, hợp đồng thuê nhà của cơ quan, đơn vị Nhà nước, được giải quyết theo các điểm 1.1, 1.2 của Điều 4 ở trên, nhưng số tiền hỗ trợ về giá trị đất bằng 80% mức hỗ trợ đối với các hộ đang sử dụng nhà hợp pháp quy định tại điểm 1.2 của Điều 4 ở trên.

5- Các hộ gia đình và cá nhân tự chiếm đất và xây dựng nhà không có phép của cơ quan có thẩm quyền, không có tranh chấp được xét hỗ trợ tùy từng trường hợp cụ thể như sau:

5.1- Phân diện tích đất:

- Sử dụng trước ngày 30/7/1996: được xét hỗ trợ chi phí và công cải tạo đất:

+ Diện tích đất từ 100 m² trở xuống được hỗ trợ: 1.000.000 đ/m².

+ Phần diện tích đất còn lại trên 100 m² được hỗ trợ: 500.000 đ/m².

- Sử dụng từ ngày 30/7/1996 trở về sau: không được giải quyết hỗ trợ.

5.2- Phân diện tích nhà:

- Xây dựng trước ngày 30/7/1996: được hỗ trợ 90% đơn giá nhà ở, vật kiến trúc quy định tại khoản 1, điều 2.

- Xây dựng từ ngày 30/7/1996 trở về sau: không được hỗ trợ, phải tự tháo dỡ không điều kiện.

Điều 5.- Đền bù về tài sản khác:

Nhà có hệ thống điện thoại, điện, nước (thuê bao), giếng nước được đền bù như sau:

- Điện thoại : 1.800.000 đ/cái

- Đồng hồ điện chính (thuê bao) : 1.500.000 đ/cái

- Đồng hồ nước (thuê bao) : 2.000.000 đ/cái

- Đồng hồ nước phụ : 500.000 đ/cái

- Giếng nước khoan : 1.200.000 đ/cái

II.- CÁC KHOẢN HỖ TRỢ KHÁC:

Điều 6.- Hỗ trợ di dời, chi phí ổn định sản xuất, đời sống và hỗ trợ khác:

1- Hỗ trợ ổn định về đời sống:

Đối với những hộ phải di dời đến nơi ở khác, được hỗ trợ một lần 1.000.000 đ cho mỗi nhân khẩu có hộ khẩu thường trú cũng như tạm trú dài hạn thuộc diện KT3 tại căn nhà phải di dời.

2- Hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời nhà:

Đối với những hộ nằm trong phạm vi giải tỏa, phải di dời đến nơi khác thì được hỗ trợ 2.000.000 đ/căn.

3- Hỗ trợ thiệt hại do ngừng sản xuất kinh doanh:

a) Đối với hộ gia đình có giấy phép kinh doanh, được hỗ trợ 10% doanh thu dưới 5.000.000đ/tháng và thời gian hỗ trợ là 6 tháng. Trường hợp không có giấy phép kinh doanh nhưng có thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước thì được hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ của hộ gia đình có giấy phép kinh doanh.

- Hộ có doanh thu 5.000.000 đ/tháng trở lên, được trợ cấp thực lãi trong 6 tháng, trường hợp không có giấy phép kinh doanh nhưng có thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước thì được hỗ trợ thực lãi bằng 50% trường hợp có giấy phép.

b) Doanh thu và thực lãi để tính hỗ trợ là doanh thu và thực lãi bình quân 3 tháng gần nhất của thời điểm giải tỏa (số liệu tính toán dựa trên số liệu cung cấp của cơ quan Thuế).

4- Hỗ trợ đối với các gia đình chính sách, được hỗ trợ thêm cho mỗi hộ gia đình:

4.1- Bà mẹ Việt Nam anh hùng, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động: 5.000.000 đ/hộ.

4.2- Gia đình thương binh liệt sĩ (cha, mẹ, vợ, chồng, con là liệt sĩ): 3.000.000 đ/hộ.

4.3- Gia đình có công với Cách mạng: 1.000.000 đ/hộ.

4.4- Trường hợp trong một hộ gia đình có nhiều đối tượng chính sách thì chỉ tính một mức hỗ trợ của đối tượng có mức hỗ trợ cao nhất.

III.- TÁI ĐỊNH CƯ (đối với các hộ di chuyển toàn bộ nhà ở, đất ở):

Điều 7.- Các hộ phải di chuyển đều được sắp xếp tái định cư trong chung cư mới xây dựng của dự án với giá bán do Ủy ban nhân dân quận 1, Sở Tài chính - Vật giá trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt trong đó chỉ bao gồm: chi phí đền bù, chi phí xây dựng chung cư, không tính chi phí xây dựng hạ tầng kỹ thuật do ngân sách Nhà nước đầu tư và tiền sử dụng đất với các phương thức sau:

1- Trả tiền một lần: Đối với các hộ có tiền đền bù, hỗ trợ về nhà và đất đủ mua một căn hộ chung cư mới xây dựng.

2- Trả chậm: Đối với các hộ có tiền đền bù, hỗ trợ về nhà và đất không đủ mua một căn hộ trong chung cư mới xây dựng thì được mua trả góp 1 căn hộ theo sự bố trí của Ủy ban nhân dân Quận 1. Số tiền trả lần đầu là toàn bộ số tiền đền bù, hỗ trợ nhà và đất; số tiền còn lại được trả chậm trong thời gian là 5 năm và không tính lãi, nếu trả tiền một lần phần tiền còn lại được giảm 5% giá bán.

3- Thuê một căn hộ:

+ Đối với các hộ sử dụng nhà hợp pháp thuộc sở hữu Nhà nước không nhận tiền hỗ trợ để tự lo chỗ ở mới được thuê nhà theo giá thuê của quyết định số 118/TTg ngày 27 tháng 11 năm 1992 của Chính phủ.

+ Đối với các hộ đang sử dụng đất ở, nhà ở không hợp pháp trước ngày 30 tháng 7 năm 1996 nếu không nhận tiền đền bù, trợ cấp: được thuê 1 căn hộ từ lâu 4 trở lên và với giá thuê có thời hạn thu hồi vốn trong 30 năm. Từ ngày 30 tháng 7 năm 1996 trở về sau phải tự di chuyển về nơi ở cũ hoặc tìm nơi ở khác.

+ Đối với các hộ gia đình và cá nhân có yêu cầu tự lo chỗ ở mới không yêu cầu bố trí tái định cư thì được hỗ trợ thêm 20% giá trị đền bù, hỗ trợ thiệt hại về đất ở không tính phần hỗ trợ chi phí và công cải tạo đất, nhưng mức tối thiểu không thấp hơn 10.000.000 đ/hộ.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

Điều 8.- Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 1 chỉ đạo Ban chỉ đạo điều chỉnh, di chuyển nhà ở khu vực 1Bis - 1Kép đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1 chịu trách nhiệm tiếp tục tổ chức, phổ biến, tuyên truyền, giải thích, hướng dẫn thực hiện cụ thể bản quy định về đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án biết để thực hiện và giám sát, kiểm tra việc đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đúng quy định. Các trường hợp vướng mắc, phát sinh ngoài thẩm quyền giải quyết phải báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

Điều 9.- Những trường hợp tranh chấp về quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà chỉ được đền bù, trợ cấp sau khi tranh chấp đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết bằng quyết định có hiệu lực thi hành. Những khiếu nại phát sinh trong quá trình đền bù hỗ trợ thiệt hại và tái định cư của dự án sẽ được Ban chỉ đạo điều chỉnh, di chuyển nhà ở khu vực 1Bis - 1Kép đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1 và Ủy ban nhân dân quận 1 xem xét giải quyết theo trình tự của Luật Khiếu nại, tố cáo ngày 02 tháng 12 năm 1998.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ